



zhēn míng

真名

noun · real name

Example Sentences

tā de zhēn míng bú shì xiǎo míng ér shì lǐ huá
他的真名不是小明，而是李华。

His real name is not Xiaoming, but Li Hua.

zhè wèi zuò jiā yòng bǐ míng xiě zuò hěn shǎo yǒu rén zhī dào tā de zhēn míng
这位作家用笔名写作，很少有人知道他的真名。

This writer uses a pen name, and few people know his real name.

Trace each character, then write the word on your own.

真	真	真	真	真	真	真	真	真	真	真
真	真									
名	名	名	名	名	名	名	名	名		